

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 9 - 2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Khắc Hoan và ông Trần Ngọc Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn Anh Trần Công N, sinh ngày 18/10/1990; CCCD số: 044089000070, cấp ngày 25/09/2024; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (Nay là phường B, tỉnh Quảng Trị), có đơn xin xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Chị Thái Thị H, sinh ngày 25/09/1989; CCCD số: 042189000262, cấp ngày 24/03/2017; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố C, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình (Nay là phường B tỉnh Quảng Trị). Hiện cư trú tại: Số 1 đường Z-6, quận Z, thành phố Đ, Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 20/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Công N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thái Thị H có quá trình tìm hiểu nhau, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay xã B, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 16/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng làm công nhân và sinh sống tại S được hai năm. Đến năm 2017, vợ chồng về quê sống với gia đình bố mẹ anh N. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, năm 2018 vợ chồng bàn bạc để chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu

qua nước ngoài chị H vẫn gọi điện về hỏi thăm chồng con, vợ chồng vẫn thương yêu nhau. Đến năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần nói chuyện điện thoại cũng chỉ có cãi vã vì không tin tưởng nhau về kinh tế lẫn tinh thần. Từ đó đến nay chị H không liên lạc với anh N, không quan tâm lo lắng cho cuộc sống gia đình. Mặc dù hai bên gia đình nội ngoại có khuyên bảo vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay anh N thấy mâu thuẫn đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của hai người không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Thái Thị H.

Về con chung: Anh Trần Công N trình bày vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Thái B, sinh ngày 28/9/2015. Cháu B sống cùng anh N kể từ khi chị H đi nước ngoài. Lúc đầu mới sang chị H có gửi tiền về cho anh để lo lắng cuộc sống cho con, nhưng từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị H không gửi tiền về cho anh để lo lắng cho cuộc sống sinh hoạt, học tập của con. Hiện nay anh làm nghề lái xe, thu nhập cũng ổn định nên có khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng con đảm bảo quyền lợi ích cho con. Vì vậy, sau khi ly hôn anh N có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản, nợ chung: Anh Trần Công N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Thái Thị H: Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có văn bản số 629/CV-TAND, ngày 27/03/2025 gửi Văn phòng đại diện Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc yêu cầu tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng để thu thập ý kiến, yêu cầu của chị H đối với yêu cầu của anh N; tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của chị H trước khi xuất cảnh và xác minh người thân của chị H, nhưng hiện nay chị H không có người thân tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh. Ngày 18/8/2025, Tòa án có Công văn số 385/TAND-CV gửi Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho chị Thái Thị H đang cư trú tại Đài Loan, về việc anh Trần Công N xin ly hôn chị Thái Thị H tại Tòa án và Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp, nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của chị H. Tòa án đã ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 05/9/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, chị H vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị H vắng mặt không có lý do.

Tại đơn trình bày ngày 05/9/2025 của cháu Trần Thái Bảo, sinh ngày 28/9/2015, cháu Bảo có nguyện vọng được ở với ba nếu ba mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Công N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị Thái Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa nguyên đơn anh N có đơn đề nghị xử

vắng mặt, bị đơn chị Thái Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 228, 238 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Trần Công N, xử cho anh N được ly hôn chị Thái Thị H; Về con chung: Giao cháu Trần Thái B, sinh ngày 28/9/2015 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc chị Thái Thị H phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Trần Công N có đơn yêu cầu xin ly hôn chị Thái Thị H đang làm ăn, sinh sống tại nước ngoài, theo thông tin cung cấp của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh thì chị H đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 09/02/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Đây là vụ án có bị đơn là Công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Thái Thị H theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp, theo phương thức tổng đạt đến cơ quan có thẩm quyền Văn phòng Đại diện Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của chị H trước khi xuất cảnh. Tiến hành xác minh người thân của chị H, nhưng hiện nay chị H không có người thân tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh. Ngày 27/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh nhận được Công điện số: 1407-2025/CĐ-LS ngày 26/5/2025 Văn phòng đại diện Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc đã thực hiện tổng đạt, đăng thông báo, niêm yết thông báo theo yêu cầu của Tòa án, nhưng không nhận được ý kiến của chị H đối với yêu cầu của anh N. Ngày 18/8/2025, Tòa án nhân dân tỉnh có Công văn số 385/TAND-CV gửi Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5), yêu cầu đăng tin thông báo cho chị Thái Thị H đang cư trú tại Đài Loan, về việc anh Trần Công N xin ly hôn chị Thái Thị H tại Tòa án và Ban Đối ngoại Đài tiếng nói Việt Nam (VOV5) đã đăng tin 03 lần trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại các Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 05/9/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, chị H vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ các Điều 228, 238, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Công N và chị Thái Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Bà

Rịa - Vũng Tàu (nay xã B, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 16/01/2014, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2014, quyền số 01/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh N, chị H làm công nhân và sinh sống tại Sài Gòn được khoảng hai năm. Đến năm 2017, vợ chồng về quê sinh sống cùng với gia đình bố mẹ anh N. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, năm 2018 vợ chồng bàn bạc để chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu qua nước ngoài chị H vẫn thường gọi điện về hỏi han quan tâm đến chồng con. Đến năm 2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau về kinh tế lẫn tình cảm, nên vợ chồng ít liên lạc hỏi han, quan tâm, lo lắng gì cho nhau, nếu có liên lạc thì cũng chỉ có lời nói xúc phạm, thiếu tôn trọng và cãi vã nhau căng thẳng. Từ đó hai bên không liên lạc gì cho nhau, người nào lo và biết công việc của người đó, không còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay, anh N thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân của hai người không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh N xin ly hôn chị Thái Thị H; còn chị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, thông báo qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam VOV5, niêm yết tại địa phương nơi chị H cư trú trước khi xuất cảnh và tại Tòa án, nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh N. Thể hiện, chị H không quan tâm gì đến anh N, để mặc anh N muốn làm gì thì làm. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Công N xin được ly hôn chị Thái Thị H là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét ý kiến, yêu cầu của anh Trần Công N và cháu B, thấy: Cháu B đã sống với anh N ổn định từ khi chị H đi xuất khẩu lao động đến nay. Lúc mới sang làm việc tại nước ngoài chị H có gửi tiền về cho anh N để lo lắng cuộc sống cho con, nhưng từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị H không gửi tiền về cho anh N để lo lắng cho cuộc sống sinh hoạt, học tập của con, nhưng anh N hiện nay làm nghề lái xe, thu nhập cũng ổn định, có khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng con đảm bảo quyền lợi ích cho con, nên anh N có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và tự nguyện không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con chung cùng anh. Cháu B cũng có nguyện vọng được sinh sống, học tập cùng với anh N; còn chị H hiện nay đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài, chưa biết khi nào về Việt Nam, nên khó có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh N. Giao con chung cháu Trần Thái B, sinh ngày 28/9/2015 cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không buộc chị Thái Thị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh N (do anh N tự nguyện không yêu cầu) là phù hợp với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến nguyện vọng của anh N, cháu B, điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Công N không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Anh Trần Công N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 228, 238, 469, 474, 475; điểm b khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Công N được ly hôn chị Thái Thị H. Hôn nhân của anh Trần Công N và chị Thái Thị H chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Trần Thái Bảo, sinh ngày 28/9/2015 cho anh Trần Công N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không buộc chị Thái Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N (do anh N tự nguyện không yêu cầu).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Công N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 tạm ứng án phí anh N đã nộp tại biên lai số 0005225 ngày 08/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị). Anh N đã nộp đủ án phí.

5. Về chi phí tố tụng: Anh Trần Công N phải chịu 3.500.000 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 1.250.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.250.000 đồng tiền chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam). Số tiền này anh N đã nộp đủ và chi phí hết.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn anh Trần Công N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản

án được niêm yết; Bị đơn chị Thái Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND P.Ba Đồn, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Dương Viết Hải